1. **Thay đổi tên tệp**

git mv foo.txt bar.txt

git rename foo.txt bar.txt

git change foo.txt bar.txt

git chname foo.txt bar.txt

1. **Chỉ định tệp rồi hiển thị nhật ký**

git log --fille foo.txt

git log -f foo.txt

git log foo.txt

git log --only-file foo.txt

1. **Commit tệp staging**

git commit

git add -c

git add –commit

git commit --staged

1. **Xem sự khác biệt giữa nhánh đang làm viêc và stage**

git diff

git diff –staged

git diff HEAD

git diff STAGE

1. **Đăng ký kho truy cập từ xa**

git remote repo1

git remote add repo1

git remote repo repo1

git remote register repo1

1. **Sao chép kho truy cập từ xa（git@github.com:framgia/proj.git） vào local**

git clone [git@github.com:framgia/proj.git](mailto:git@github.com:framgia/proj.git)

git checkout [git@github.com:framgia/proj.git](mailto:git@github.com:framgia/proj.git)

git pull [git@github.com:framgia/proj.git](mailto:git@github.com:framgia/proj.git)

git fork git@github.com:framgia/proj.git

1. **Chỉ staging foo.txt**

git add . foo.txt

git add foo.txt

git add foo.txt .

git add --only-file foo.txt

1. **Kéo nhánh develop của kho truy cập từ xa origin về nhánh work1 của kho local origin**git pull origin work1:develop

git pull origin develop:work1

git pull origin work1 develop

git pull origin develop work1

1. **Khi đang ở nhánh work1, rebase nhánh work1 theo HEAD của nhánh develop**

git rebase work1 develop

git rebase develop work1

git rebase develop

git rebase work1

1. **Đẩy nhánh work1 của kho local vào nhánh develop của kho truy cập từ xa origin**

git push origin develop:work1

git push origin work1 develop

git push origin work1:develop

git push origin develop work1

1. **Xóa tệp**

git delete foo.txt

git destroy foo.txt

git rm foo.txt

git drop foo.txt

1. **Xem nội dung của thay đổi**

git show

git view

git summary

git status

1. **Xem danh sách các nhánh**

git branche list

git branch list

git branches

git branch

1. **Xem sự khác biệt giữa HEAD và stage**

git diff

git diff HEAD

git diff –staged

git diff STAGE

1. **Khi đang ở nhánh develop, ghép nhánh br1 vào nhánh develop**

git merge br1

git merge develop

git merge develop br1

git merge br1 develop

1. **Hiển thị nhật ký commit**

git commitlog

git reflog

git log

git filelog

1. **Nội dung của nhánh làm việc trở về HEAD**

git reset –soft

git reset –normal

git reset –hard

git reset

1. **Xem trạng thái của kho lưu trữ**

git show

git view

git summary

git status

1. **Kiểm tra thiết lập**

git config -l

git config -c

git config -s

git config

1. **Hiển thị nhật ký trên 1 dòng**

git log –one

git log –oneline

git log -l 1

git log --line 1

1. **Xóa tệp khỏi stage**

git rm foo.txt

git delete foo.txt

git delete --cached foo.txt

git rm --cached foo.txt

1. **Xem nhật ký thao tác**

git log

git oplog

git log –operation

git reflog

1. **Xem sự khác biệt giữa nhánh đang làm việc và HEAD**

git diff HEAD

git diff –staged

git diff

git diff TREE

1. **Sửa commit**

git commit –recommit

git commit –amend

git commit –append

git commit --prepend

1. **Xóa nhánh work1**

git branch -d work1

git branch delete work1

git branch destroy work1

git branch drop work1

1. **Chuyển đến 1 nhánh khác**

git checkout -b br1

git branch br1

git checkout br1

git branch -c br1

1. **Nội dung của tệp stage trở về HEAD**

git reset –soft

git reset

git reset –norma

lgit reset --hard

1. **Xem sự khác biệt giữa các commit**

git diff --c1 a3fbde --c2 d6aeba

git diff a3fbde d6aeba

git diff --commit a3fbde d6aeba

git diff a3fbde --with d6aeba

1. **Hiển thị trợ giúp**

git help

git show

git log

git reflog

1. **Tạo và chuyển đến nhánh br1**

git checkout br1

git branch br1

git branch -c br1

git checkout -b br1